

MỘT SỐ DẪN LIỆU VỀ RONG BIỂN Ở VÙNG TRIỀU CỦA HAI TỈNH NGHỆ AN VÀ HÀ TĨNH

MAI VĂN CHUNG, NGUYỄN ĐỨC DIỆN

Trường đại học Vinh

Đối với rong biển ở Bắc Trung bộ, đã có một số nghiên cứu được thực hiện ở tỉnh Quảng Trị [6, 7] và tỉnh Thừa Thiên-Huế [5]. Việc tiếp tục đánh giá, bổ sung những dẫn liệu về nguồn tài nguyên này trong khu vực là thực sự cần thiết. Bài báo giới thiệu một số kết quả điều tra mới về rong biển ở vùng triều của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh - những nơi hiện còn ít được nghiên cứu.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi tiến hành thu mẫu rong biển ở vùng triều của các huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc (tỉnh Nghệ An) và Nghi Xuân, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh (tỉnh Hà Tĩnh) vào hai tháng 2, 3 (mùa xuân - giai đoạn rong biển sinh trưởng mạnh) năm 2006. Tại mỗi địa điểm, mẫu được thu trên ba mặt cắt vuông góc với bờ, ở ba dải: triều cao, triều giữa và triều thấp. Các mẫu rong biển, ngoài phần ép khô (mẫu khô), được bảo quản tươi trong dung dịch phóc-môn 5% (mẫu tươi) và lưu giữ tại phòng Tảo, khoa Sinh

học, trường đại học Vinh.

Để định danh các loài, chúng tôi sử dụng cả mẫu khô, mẫu tươi cùng ảnh chụp để so sánh, đối chiếu với bản mô tả và hình vẽ trong các tài liệu định loại rong biển của các tác giả trong và ngoài nước. Về mặt phân loại học, ngành Rong lục (Chlorophyta) được sắp xếp theo hệ thống của Zinova A. D. (1967), ngành Rong nâu (Phaeophyta) theo Zheng B. L. và Wang S. Ch. (1964), ngành Rong đỏ (Rhodophyta) theo Kylin H. (1956).

Kết quả định loại được so sánh với những nghiên cứu trước đây [2, 3, 4] nhằm bổ sung những dẫn liệu về số lượng, thành phần loài cũng như sự phân bố của rong biển trong khu vực nghiên cứu.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thành phần loài rong biển ở vùng triều của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh

Bảng 1

Thành phần loài rong biển ở vùng triều của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh

STT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Địa điểm		Nơi sống
			Nghệ An	Hà Tĩnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	I. CHLOROPHYTA Chlorophyceae Ulvales 1. Ulvaceae	Ngành Rong lục Lớp Rong lục Bộ Rong cải biển Họ Rong cải biển			
1	<i>Ulva lactuca</i> L.	Rong cải biển nhẵn	+	+	Đ
2	<i>U. conglobata</i> Kjellm.*	Rong cải biển hoa	+++		Đ
3	<i>U. reticulata</i> Forska	Rong cải biển lưới	+		Đ
4	<i>Enteromorpha clathrata</i> (Roth.) Grev.	Rong bún nhiều nhánh	+++	+	đ
5	<i>E. flexuosa</i> J.Ag.	Rong bún gấp khúc	+		Đ
	Cladophorales 2. Cladophoraceae	Bộ Rong lông cứng Họ Rong lông cứng			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
6	<i>Cladophora fascicularis</i> (Mert.) Kuetz.	Rong lông cứng chùm	+	++	Đ
7	<i>C. fastigiata</i> Harv.*	Rong lông cứng tán	+		Đ
8	<i>C. densa</i> Harv.	Rong lông cứng rậm	+		Đ
9	<i>C. glaucescens</i> (Griff. ex Harv.) Harv.	Rong lông cứng mốc	++		Đ
10	<i>Chaetomorpha antennia</i> (Bory) Kuetz.	Rong tóc đốt cần		+	Đ
	Siphonocladales 3. Valoniaceae	Bộ Rong ống Họ Rong túi			
11	<i>Valonia macrophysa</i> Kuetz.	Rong túi thô		+	đ
	II. PHAEOPHYTA Phaeosporeae Chordariales 4. Acrothricaceae	Ngành Rong nâu Lớp Rong nâu Bộ Rong thùng Họ Rong sợi ngọn			
12	<i>Acrothrix pacifia</i> Okam. et Yam	Rong sợi ngọn		+	Đ
	Dictyotales 5. Dictyotaceae	Bộ Rong võng Họ Rong võng			
13	<i>Dictyota dichotoma</i> (Huds.) Lamx.*	Rong võng chạc		+	Đ
	Cyclosporeae Fucales 6. Sargassaceae	Lớp Rong bào tử tròn Bộ Rong sừng Họ Rong mơ			
14	<i>Sargassum henslowianus</i> J. Ag.*	Rong mơ Henslô	+	+	đ
	III. RHODOPHYTA Bangiophyceae Bangiales 7. Bangiaceae	Ngành Rong đỏ Lớp Rong tóc Bộ Rong tóc Họ Rong tóc			
15	<i>Porphyra suborbiculata</i> Kjellm	Rong mút tròn	+++	++	Đ
	Florideophyceae Nemalionales 8. Helmithocladaceae	Lớp Rong đỏ thực thụ Bộ Hải sách miền Họ Rong nhu chi			
16	<i>Dermonema dichotoma</i> Heydrich	Rong sừng dài	+++		Đ
	9. Corallinaceae	Họ Rong san hô			
17	<i>Amphiroa zonata</i> Yendo	Rong thạch lựu đai		+	Đ
	Gelidiales 10. Gelidiaceae	Bộ Rong thạch Họ Rong thạch			
18	<i>Gelidium crinale</i> (Turn.) Lamx.	Rong thạch sợi	+		Đ
19	<i>G. corneum</i> (Hud.) Lamx.*	Rong thạch sừng	+++	+++	Đ
20	<i>G. divaricatum</i> Mart.*	Rong thạch chạc	+++		Đ
21	<i>G. pusillum</i> (Stackh.) Le Jolis*	Rong thạch nhỏ	+	+++	Đ
22	<i>Gelidiella myrioclada</i> (Boerg.) Feldm. et Hamel*	Rong đá nhánh		+	Đ
23	<i>Pterocladia tenuis</i> Okam.	Rong đốt cánh mịn	+		Đ
	Cryptonemiales 11. Grateloupiaceae	Bộ Rong chân vịt Họ Rong chũn			
24	<i>Grateloupia divaricata</i> Okam.	Rong chũn chùm	+	+	Đ
	Gigartinales 12. Calosiphonaceae	Bộ Rong cạo Họ Rong ống sần			
25	<i>Bertholdia japonica</i> (Okam.) Segawa	Rong biệt tản	+	+	Đ

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	13. Gracilariaceae	Họ Rong câu			
26	<i>Gracilaria bursa-pastoris</i> (Gmel.) Silva	Rong câu dòn	+		đ
27	<i>G.chorda</i> Holm.	Rong câu thùng	+		đ
28	<i>G. verrucosa</i> (Huds.) Pagenf*	Rong câu chỉ vàng	++	+	đ
29	<i>G. gigas</i> Harv.	Rong câu thô	++		đ
30	<i>Gracilariopsis rhodotricha</i> Dawson	Rong câu giả đỏ	+		đ
31	<i>Gelidiopsis gracilis</i> (Kuetz.) Vicks.	Rong thạch giả mịn	+		Đ
32	<i>Polycavernosa ramulosa</i> C. F. Chang et B. M. Xia*	Rong nhiều túi ngắn		+	Đ
	14. Hypneaceae	Họ Rong đông			
33	<i>Hypnea charoides</i> Lamx.	Rong đông nhánh vuốt	+		đ
34	<i>H. charoides</i> var. <i>indica</i> Weber van Bosse*	Rong đông nhánh vuốt ấn độ		+	đ
35	<i>H. hamulosa</i> (Turn.) Mont.	Rong đông gốc dính		+	Đ
36	<i>H. valentiae</i> (Turn.) Mont.	Rong đông valenti		+	Đ
	15. Phylloporaceae	Họ Rong chạc			
37	<i>Gymnogongrus griffithsiae</i> (Turn.) Mart.	Rong chạc griphit	0	+	Đ
	16. Gigartineae	Họ Rong cạo			
38	<i>Gigartina acicularis</i> (Wulf.) Lamx.	Rong cạo kim	+		Đ
39	<i>G. intermedia</i> Sur.	Rong cạo đẹp	+		Đ
	Ceramiales	Bộ Rong lông hồng			
	17. Rhodomelaceae	Họ Rong tùng tiết			
40	<i>Bostrychia binderi</i> Harvey	Rong lông quân đai	+		Đ
41	<i>Laurencia articulata</i> Tseng	Rong mào gà đốt	+		Đ
42	<i>L. parvipapillata</i> Tseng*	Rong mào gà nhiều núm		+	Đ

Ghi chú: *. loài đã được các tác giả nghiên cứu trước phát hiện thấy trong khu vực. Các cột 4 và 5: +. phân bố ít; ++. phân bố trung bình; +++. phân bố nhiều. Cột 6: Đ. (sống) bám trên đá, vỏ động vật Hai mảnh; đ. (sống) bám nền đáy.

Kết quả phân tích các mẫu rong biển ở vùng triều của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh đã định danh được 42 loài thuộc 25 chi, 17 họ, 12 bộ, 5 lớp và 3 ngành. Ngành Rong đỏ (Rhodophyta) có số lượng loài nhiều nhất, với 28 loài chiếm 66,67%; thứ đến là ngành Rong lục (Chlorophyta) 11 loài (26,19%); ít nhất là ngành Rong nâu (Phaeophyta) chỉ có 3 loài (7,14%) (bảng 1).

Trong 17 taxon bậc họ đã xác định, Gracilariaceae có nhiều chi nhất (4 chi), thứ đến là Gelidiaceae (3 chi); Ulvaceae, Cladophoraceae và Rhodomelaceae cùng có 2 chi, còn lại 12 họ đơn chi. Qua đó cho thấy, taxon bậc họ của rong biển ở vùng triều nghiên cứu có mức độ đa dạng thấp.

Sự đa dạng của bậc chi ở vùng triều nghiên cứu cũng không cao, thể hiện qua hệ số chi (số loài trung bình trong một chi) là 1,68. Các chi có nhiều loài nhất là *Gelidium* (Rong thạch), *Cladophora* (Rong lông cứng), *Gracilaria*

(Rong câu) và *Hypnea* (Rong đông) cùng có 4 loài, thứ đến là *Ulva* (Rong cải biển) có 3 loài. Có tới 17 chi đơn loài.

Các loài phổ biến chung ở vùng triều của hai tỉnh là *Porphyra suborbiculata* (rong mút tròn) và *Gelidium corneum* (rong thạch sừng). Ngoài ra, có *Ulva conglobata* (rong cải biển hoa), *Dermonema dichotoma* (rong sừng dài), *Gelidium divaricatum* (rong thạch chạc) và *Enteromorpha clathrata* (rong bún nhiều nhánh) gặp nhiều ở tỉnh Nghệ An còn *Gelidium pusillum* (rong thạch nhỏ) phát triển mạnh ở tỉnh Hà Tĩnh.

Kết quả điều tra của chúng tôi cho thấy có 30 loài (trong số 42 loài được định danh) chưa được ghi nhận trong các công trình nghiên cứu trước đây về rong biển ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh [2, 3, 4].

2. Đặc điểm phân bố của rong biển ở vùng triều của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh

Bảng 2

Sự phân bố của các taxon rong biển ở vùng triều của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh

Ngành	Lớp	Bộ	Họ	Chi	Số loài	Địa điểm	
						N.A	H.T
Chlorophyta	Chlorophyceae	Ulvales	Ulvaceae	<i>Ulva</i>	3	3	1
				<i>Enteromorpha</i>	2	2	1
	Cladophorales	Cladophoraceae	<i>Cladophora</i>	4	4	1	
			<i>Chaetomorpha</i>	1	-	1	
			<i>Valonia</i>	1	-	1	
Phaeophyta	Phaeosporaeae	Chordariales	Acrothricaceae	<i>Acrothrix</i>	1	-	1
				<i>Dictyota</i>	1	-	1
	Cyclosporeae	Fucales	Sargassaceae	<i>Sargassum</i>	1	1	1
Rhodophyta	Bangiophyceae	Bangiales	Bangiaceae	<i>Porphyra</i>	1	1	1
				Florideophyceae	Nemalionales	Helmithocladaceae	<i>Dermonema</i>
	<i>Amphiroa</i>	1	-				1
	Gelidiales	Gelidiaceae	<i>Gelidium</i>				4
			<i>Gelidiella</i>	1	-	1	
	<i>Pterocladia</i>	1	1	-			
	Cryptonemiales	Grateloupiaceae	<i>Grateloupia</i>	1	1	1	
			Gigartinales	Calosiphonaceae	<i>Bertholdia</i>	1	1
	Gracilariaceae	<i>Gracilaria</i>			4	4	1
		<i>Gracilariopsis</i>	1	1	-		
		<i>Polycavernosa</i>	1	-	1		
		<i>Gelidiopsis</i>	1	1	-		
		<i>Hypnea</i>	4	1	3		
	Phyllophraceae	Gigartinaceae	<i>Gymnogongrus</i>	1	-	1	
			<i>Gigartina</i>	2	2	-	
Ceramiales	Rhodomelaceae	<i>Bostrychia</i>	1	1	-		
		<i>Laurencia</i>	2	1	1		
3	5	12	17	25	42	30	22

Ghi chú: N.A. Nghệ An; H.T. Hà Tĩnh.

Bảng 2 cho thấy rong biển phân bố ở tỉnh Nghệ An không những nhiều hơn về số lượng loài (30 loài) so với tỉnh Hà Tĩnh (22 loài) mà còn đa dạng hơn về thành phần ở taxon bậc chi; các chi nhiều loài (*Ulva*, *Cladophora*, *Gelidium*, *Gracilaria*) phân bố chủ yếu ở tỉnh Nghệ An, trong khi ở vùng triều của tỉnh Hà Tĩnh, thường gặp các chi đơn loài.

Các loài rong biển có sự phân bố hẹp về sinh thái; nhiều loài chỉ gặp ở biển Nghệ An mà không có ở Hà Tĩnh và ngược lại. Với 10 loài chung, hệ số S (Sorensen) = 0,38 cho thấy mức độ tương đồng về thành phần loài rong biển giữa hai tỉnh tương đối thấp.

Phần lớn các loài rong biển phát hiện được sống bám trên đá hoặc vỏ động vật Hai mảnh ở

vùng triều giữa (31 loài, chiếm 73,81%); 1 loài (chiếm 2,38%) được phát hiện sống bám ở các khe đá ẩm thuộc vùng triều cao là *Bostrychia binderi* (rong lông quân đại). Trong số 10 loài (chiếm 23,81%) sống bám trên nền đáy thuộc vùng triều thấp, có 4 loài rong câu: *Gracilaria bursa-pastoris* (rong câu dòn), *G. chorda* (rong câu thùng), *G. verrucosa* (rong câu chỉ vàng), *G. gigas* (rong câu thô) và 2 loài rong đồng *Hypnea charoides* (rong đồng nhánh vuốt), *H. charoides* var. *indica* (rong đồng nhánh vuốt ấn độ).

III. KẾT LUẬN

1. Đã định danh được 42 loài rong biển phân bố ở vùng triều của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh;

chúng thuộc 25 chi, 17 họ, 12 bộ, 5 lớp và 3 ngành Rhodophyta (Rong đỏ), Chlorophyta (Rong lục) và Phaeophyta (Rong nâu). Có 30 loài chưa được đề cập đến trong các công trình nghiên cứu trước đây về rong biển ở vùng này.

2. Phần lớn các loài rong biển chủ yếu sống bám trên đá hay vỏ động vật Hai mảnh ở vùng triều giữa và triều cao (32 loài chiếm 76,19%); vùng triều thấp có 10 loài (chiếm 23,81%) sống bám trên cát nền đáy.

3. Các loài rong biển có sự phân bố hẹp về sinh thái; nhiều loài chỉ gặp ở biển Nghệ An mà không có ở Hà Tĩnh và ngược lại. So với tỉnh Hà Tĩnh, rong biển ở vùng triều của tỉnh Nghệ An đa dạng, phong phú hơn cả về số lượng và thành phần loài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Ngô Quốc Bưu và cs.**, 2000: Tạp chí Hóa học, 38(3): 19-21, Hà Nội.
2. **Võ Văn Chi**, 1999: Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nxb. Y học, tp. Hồ Chí Minh.
3. **Nguyễn Hữu Dinh và cs.**, 1993: Rong biển Việt Nam, phần phía Bắc. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
4. **Phạm Hoàng Hộ**, 1969: Rong biển Việt Nam. Trung tâm học liệu xuất bản, Sài Gòn.
5. **Trương Văn Lung, Võ Thị Mai Hương**, 2000: Sự đa dạng sinh thái của một số loài rong kinh tế ở vùng đầm phá và ven biển tỉnh Thừa Thiên-Huế, Báo cáo Hội nghị Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong sinh học: 206-264. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
6. **Lê Thị Thanh**, 1996: Tuyển tập các công trình nghiên cứu về tài nguyên và môi trường biển: 252-258. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
7. **Lê Thị Thanh**, 1999: Tuyển tập các công trình nghiên cứu về tài nguyên và môi trường biển: 94-102. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
8. **Đàm Đức Tiến**, 2003: Thành phần loài và phân bố của rong biển miền Bắc Việt Nam, Hội thảo khoa học Đề tài hợp tác Việt Nam - Italia "Bảo tồn đa dạng sinh học dải ven biển Việt Nam", Hải Phòng.
9. **Trần Đình Toại, Châu Văn Minh**, 2004: Tiềm năng rong biển Việt Nam. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

SOME DATA ABOUT SEAWEEDS IN LITTORAL ZONE OF NGHEAN AND HATINH PROVINCES

MAI VAN CHUNG, NGUYEN DUC DIEN

SUMMARY

In Vietnam, seaweeds occupied in most of lagoons, estuaries, bays and territorial waters. Many researches have been carried out to estimate their composition, distribution in sea regions. This article presents some data about seaweeds in the littoral zones of Nghean and Hatinh provinces.

A total of 42 seaweed species were found in this zone. They belonged to 25 genera, 17 families, 12 orders, 5 classes and 3 divisions (Chlorophyta, Phaeophyta and Rhodophyta). Among them, 30 species are new for this area. There are 31 species mainly distributed in medial belt besides 1 species found in high belt and 10 species lived on seabed in low belt.

The quantities of seaweed species and multi-species genera in the Nghean province are more abundant than in the Hatinh province. That are the most difference of the composition and distribution of seaweeds in littoral zone in these provinces.

Ngày nhận bài: 7-6-2006